

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 302/2019/DS-PT
Ngày: 01/11/2019
V/v: tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Kim Cua
Cùng các Thẩm phán: Ông Huỳnh Ngọc Dũng
Ông Bùi Thế Xương

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Võ Thị Cẩm Trang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Phượng – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 283/2019/TLPT-DS ngày 26/9/2019 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 50/2019/DS-ST ngày 16/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện Ba Tri bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 237/2019/QĐ-PT ngày 14/10/2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị L, sinh năm 1952.

Nơi cư trú: Số nhà 012/AN ấp AN, xã ANT, huyện BT, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị L: Bà Nguyễn Thị Ngọc Phượng, sinh năm 1960; địa chỉ: Số nhà 50, đường 19/5, khu phố 5, thị trấn BT, huyện BT, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1966.

Nơi cư trú: Số nhà 326/AN ấp AN, xã ANT, huyện BT, tỉnh Bến Tre.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Bà Lê Thị C, sinh năm 1966.

Nơi cư trú: Số nhà 326/AN ấp AN, xã ANT, huyện BT, tỉnh Bến Tre.

- *Người làm chứng của bị đơn:* Bà Võ Lâm Thị Hằng Ng, sinh năm 1975
Địa chỉ: Số nhà 166/AH, ấp An Hòa, xã Phú Trung, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

- *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Văn H
(Bà Phượng, ông H, bà C có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung án sơ thẩm;

Nguyên đơn bà Lê Thị L trình bày: Vào ngày 12/3/2017, ông Nguyễn Văn H có vay của bà L số tiền 90.000.000 đồng, với lãi suất 5%/tháng, thời gian vay khi ông H mượn tiền H bên thỏa thuận 02 tháng sẽ trả, ông H có đưa cho bà L giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 335 tờ bản đồ số 9 tọa lạc tại xã ANT để làm tin, số tiền vay này ông H vay của bà L nhưng không cho bà Lê Thị C biết. Ông H đóng lãi được 02 lần, mỗi lần 01 tháng với số tiền 5.000.000/tháng, (chênh Lch 500.000 đồng là do bà L đi hỏi dùm nên ông H cho thêm) rồi đến nay không đóng lãi nữa. Trước ngày 02/4/2018, bà L có đến nhà ông H yêu cầu vợ chồng ông H trả số tiền 90.000.000 đồng nhưng vợ ông H là bà C chỉ trả được 40.000.000 đồng tiền nợ gốc, còn nợ lại bà L 50.000.000 đồng. H năm nay, bà L có nhiều lần đến nhà ông H yêu cầu trả tiền nhưng ông H không trả. Nay phía nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Nguyễn Văn H và bà Lê Thị C có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Lê Thị L số tiền 50.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi suất từ tháng 06/2017 đến nay. Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của vợ chồng ông H mà ông H đưa cho bà L thì theo như thỏa thuận khi nào vợ chồng ông H trả hết số tiền này thì bà L sẽ trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H.

Bị đơn ông Nguyễn Văn H trình bày: Ông H thừa nhận vào năm 2016, ông có mượn của bà Lê Thị L số tiền 90.000.000 đồng, với lãi suất 6%/tháng, thời hạn trả H bên thống nhất khi nào ông có tiền thì sẽ trả, khoảng nợ này là ông tự ý vay nên vợ ông không biết. Đến cuối năm 2016, ông có vay tiền của Ngân hàng NN&PTNT huyện Ba Tri số tiền 200.000.000 đồng và ông đã trả cho bà L số tiền 50.000.000 đồng. Vào ngày 12/3/2017, bà L có yêu cầu ông viết giấy nợ và đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà giữ để bà làm tin nên ông có viết giấy mượn tiền 90.000.000 đồng và đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 335 tờ bản đồ số 9 tọa lạc tại xã ANT cho bà L giữ để làm tin. Ông đóng tiền lãi hàng tháng cho bà L đầy đủ, nhưng không có nói cho vợ là bà Lê Thị C biết về việc ông vay tiền của bà L và còn nợ bà L 40.000.000 đồng. Đến trước ngày 11/7/2017 (AL), bà L có xuống nhà yêu cầu bà C trả tiền, bà C có trả cho bà L số tiền 40.000.000 là trả hết số tiền còn nợ cho bà L (có yêu cầu bà L làm biên nhận

nhưng bà L không chịu viết giấy) nhưng không có nói cho ông biết. Đến cuối năm 2017, vợ ông tưởng ông còn nợ tiền bà L nên đã trả tiếp cho bà L 10.000.000 đồng tại chợ ANT nhưng không cho ông biết, ông cứ tưởng còn nợ bà L 40.000.000 đồng nên ông có trả cho bà L 12.000.000 đồng (chia làm 2 lần: 1 lần 3.000.000 đồng và 01 lần 9.000.000 đồng). Sau này ông mới biết vợ ông đã trả hết cho bà L rồi. Nhưng vì thấy tình nghĩa chị em nên ông không có yêu cầu bà L trả lại số tiền 12.000.000 đồng đã đưa cho bà L và 10.000.000 đồng mà vợ ông đưa cho bà L coi như cảm ơn bà L đã giúp đỡ ông trong lúc khó khăn. Các lần đưa tiền lãi cũng như trả tiền gốc cho bà L, do là chỗ quen biết tình nghĩa nên không có yêu cầu bà L ghi vào biên nhận đã nhận tiền. Vì ông đã trả hết tiền cho bà L rồi, ông không còn nợ tiền của bà L nữa nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L, về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do lúc vợ ông trả tiền cho bà L, bà L có đưa sổ cho vợ ông nhưng vì sổ đã cũ rồi nên vợ ông không nhận lại. Nay ông không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Thị C trình bày: Bà thống nhất với lời trình bày của ông H. Lúc chồng bà vay tiền của bà L thì bà không biết, sau này khi bà L nói thì bà mới biết. Bà nghe bà L nói chồng bà có nợ của bà L 90.000.000 đồng nên bà đã thay chồng bà trả cho bà L số tiền 40.000.000 đồng tại nhà và 10.000.000 đồng tại chợ ANT. Cả H lẫn đưa tiền đều không có làm biên nhận. Sau đó chồng bà mới nói cho bà biết là chồng bà đã trả trước đó 50.000.000 đồng rồi. Ngày bà đưa tiền cho bà L, bà L có đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà nhưng vì bà tưởng còn nợ lại 50.000.000 đồng nên bà nói giấy này đã cũ và bà L cứ giữ. Vì vậy, nay bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại Bản án số 50/2019/DS-ST ngày 16/8/2019 Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre quyết định:

- Căn cứ Điều 463, 466, 357 Bộ luật dân sự 2015;
- Căn cứ: Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Tuyên xử:

1. Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn H trả cho nguyên đơn bà Lê Thị L số tiền 50.000.000 (Năm mươi triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải bầu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bà Lê Thị C liên đới cùng ông H trả số tiền 50.000.000 (Năm mươi triệu) đồng.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 30/8/2019 ông Nguyễn Văn H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm yêu cầu cấp phúc thẩm bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên Toà phúc thẩm phía nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án. Ông H và bà C yêu cầu bà L trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, người đại diện theo ủy quyền của bà L đồng ý trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H và bà C.

Người làm chứng của bị đơn là bà Võ Lâm Thị Hằng Ng trình bày: Việc bà L cho ông H vay tiền vào thời gian nào thì bà không biết. Cuối năm 2017 bà C có điện thoại mượn của bà 10.000.000 đồng, bà C nói là mượn tiền để trả nợ cho bà L. Còn việc ông H, bà C trả tiền cho bà L như thế nào thì bà không biết.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm: Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng theo pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung: đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1, Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; xét kháng cáo của bị đơn và ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Nguyễn Thị L yêu cầu ông Nguyễn Văn H và bà Lê Thị C trả số tiền 50.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Ông H, bà C không đồng ý với yêu cầu của bà L vì ông H, bà C cho rằng bà C đã trả hết nợ cho bà L.

[2] Ông H kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm bác yêu cầu của bà L, thấy rằng: Trong quá trình giải quyết vụ án, các bên đương sự đều thống nhất thừa nhận ông H có vay của bà L số tiền 90.000.000 đồng. Chứng cứ mà bà L chứng minh là “giấy mượn tiền” do ông H viết. Ông H thừa nhận giấy mượn tiền ngày 12/3/2017 là do ông viết nhưng số tiền 90.000.000 đồng do ông vay vào năm 2016 đã trả được 50.000.000 đồng, chỉ còn nợ lại 40.000.000 đồng nhưng do sợ vợ là bà C biết việc ông vay tiền của bà L nên ông viết giấy vay 90.000.000 đồng. Tuy nhiên, ông H không có chứng cứ chứng minh và phía nguyên đơn cũng không thừa nhận nên đủ căn cứ chứng minh ngày 12/3/2017 ông H có vay của bà L 90.000.000 đồng là đúng. Sau đó, bà C là vợ ông H có thay ông H trả cho bà L 40.000.000 đồng. Do đó, ông H còn nợ bà L 50.000.000 đồng như bản án sơ thẩm

tuyên là đúng. Quá thời hạn mà ông H không thanh toán tiền cho bà L như đã thỏa thuận. Việc chậm thanh toán của ông H làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà L. Như vậy, yêu cầu của bà L là có căn cứ. Ông H kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ gì khác để chứng minh đã trả cho bà L số tiền 50.000.000 đồng nên không có cơ sở để chấp nhận.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông H và bà C có yêu cầu bà L trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H, bà C. Yêu cầu của ông H và bà C được người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đồng ý nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Bản án sơ thẩm căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp. Cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1, Điều 308, Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo ông Nguyễn Văn H, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 50/2019/DS-ST ngày 16/8/2019/2019 của Tòa án nhân dân huyện Ba Tri.

Căn cứ Điều 463, 466, 357 Bộ luật dân sự 2015; Căn cứ: Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14. Tuyên xử:

1. Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn H trả cho nguyên đơn bà Lê Thị L số tiền 50.000.000 (Năm mươi triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải bầu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bà Lê Thị C liên đới cùng ông H trả số tiền 50.000.000 (Năm mươi triệu) đồng.

3. Buộc bà Lê Thị L phải trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất SốAD 311820, số cấp giấy quyền sử dụng đất: H02815 đứng tên ông Nguyễn Văn H, bà Lê Thị C cho ông Nguyễn Văn H, bà Lê Thị C.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 2.500.000 (H triệu năm trăm nghìn) đồng.

5. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn H phải nộp số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc

thẩm theo biên lai thu số 0006623 ngày 30/8/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ba Tri là đủ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện Ba Tri;
- Chi cục THADS huyện Ba Tri;
- Phòng GĐKT;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Kim Cửa

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Các thẩm phán

Thẩm phán - chủ tọa phiên toà

Nguyễn Thị Ngọc Hương

Phạm Kim Cửa

Huỳnh Ngọc Dũng